

Bản án số: 133/2020/KDTM-PT
Ngày: 30/7 và 03/8 năm 2020.
V/v: tranh chấp hợp đồng hợp tác
kinh doanh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Ông Hoàng Ngọc Thành
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Ông Trần Chí Thành -Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 91/2020/KTPT ngày 11/3/2020 về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2020/QĐXX-PT ngày 06/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2020/QĐ-HPT ngày 18/7/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 363/2020/TB-TA ngày 22/7/2020, giữa:

- * *Nguyên đơn:* Tổng công ty Vận tải T H - CTCP
Trụ sở tại: số 158 N , phường B , quận L , H . Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thủy N , chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Minh H , chức vụ: Phó Tổng giám đốc. Bà H có mặt.
- * *Bị đơn:* Công ty TNHH S
Trụ sở: số 78 B , phường T , quận H , H ; Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thanh T , chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn L , có địa chỉ tại: P2902- Nhà A6- Chung cư A , Khu đô thị thành phố G phường C , quận B , H . Ông L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Đại diện nguyên đơn trình bày:

Căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý khu đất tại địa chỉ 78 đường B , quận H , H do Cảng H đang quản lý và sử dụng, căn cứ các Giấy ủy quyền của Tổng công ty Đường S nay là Tổng công ty Vận tải T - CTCP, Cảng H và Công ty S đã ký các Hợp đồng hợp tác kinh doanh cụ thể như sau:

- Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (Hợp đồng nguyên tắc) ký ngày 07/03/2007 giữa Công ty CP Dịch vụ và dạy nghề Thái Dương (Bên A- Chủ đầu tư) và Cảng H

(Bên B - Bên tham gia) với mục đích cùng góp vốn để xây dựng đồng bộ, phát triển và khai thác Dự án “*Dịch vụ du lịch trên Sông Hồng, dịch vụ lễ hành, thể thao và giải trí*”, trên nguyên tắc “*Tài sản được góp vào kinh doanh vẫn thuộc quyền sở hữu của chính bên góp vốn*”, tại địa điểm số 78 Đường B, Quận H, H”. Bên A góp vốn bằng tiền và tài sản “*không thấp hơn 14.950.000.000đồng*”, chuyển tiền thuê đất hàng năm theo quy định của UBND TP. Hà Nội cho Cảng Hà Nội. Bên B góp mặt bằng và các tài sản hiện có trên khu đất đang quản lý hợp pháp. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp: “... *Quá 06 tháng, Bên A cố tình trì hoãn thực hiện DA, thua lỗ trong hai năm liên tiếp, một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các quy tắc cam kết, yêu cầu hủy bỏ hoặc từ chối thực hiện hợp đồng...*”.

- Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc, ngày 19/03/2007, Cảng Hà Nội với tư cách bên góp vốn và Công ty CP Dịch vụ và dạy nghề Thái Dương với tư cách Chủ đầu tư tiếp tục ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án, hợp đồng quy định việc đóng góp vốn của các bên như sau: *Cảng HN Đóng góp Quyền sử dụng Khu đất dự án, cung cấp tối thiểu 25 lao động Việt Nam đủ điều kiện thực hiện dự án và Tài sản khác gồm Cầu tàu B2, B3, Văn phòng làm việc, dịch vụ tổng hợp và tài sản khác (nếu có) theo yêu cầu của Dự án.... Công ty CP Dịch vụ và dạy nghề Thái Dương đóng góp tối thiểu một khoản tiền tương đương 14.590.000.000 đồng để chi thực hiện và điều hành DA, tuyển lao động, góp quyền sở hữu trí tuệ, tài sản khác phù hợp với Dự án.* Ngoài ra Hợp đồng còn quy định về Mục tiêu dự án, Quyền nghĩa vụ của các bên, Ban quản lý dự án, việc điều hành dự án..., thời hạn dự án là 50 năm.

- Ngày 02/4/2007 Cảng H với Công ty CP dịch vụ dạy nghề T và ông Lê Thanh T ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Về chủ đầu tư có xác định lại *Các Chủ đầu tư bao gồm Công ty CP Dịch vụ và dạy nghề Thái Dương (Bên A) và Ông Lê Thanh T (Bên B). Bên góp vốn là Cảng H (Bên C).*

Điều 4 của Hợp đồng quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng Bên A và B phải thành lập một pháp nhân độc lập để thực hiện dự án, được thành lập theo luật doanh nghiệp bởi 2 thành viên sáng lập là Công ty CP dịch vụ dạy nghề Thái Dương(A) và ông Lê Thanh T (B) với số vốn điều lệ tối thiểu là 14.590.000.000 đồng, trong đó mỗi thành viên góp 50% vốn điều lệ tương đương 7.295.000.000 đồng.

Sau khi Công ty S được thành lập, ngày 07/8/2007 các bên ký bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã xác định lại các Chủ đầu tư, bao gồm: Cảng H (Bên A) và Công ty S (Bên B). Tên Dự án, địa điểm, nguyên tắc và mục tiêu dự án được giữ nguyên theo Hợp đồng nguyên tắc, Hợp tác kinh doanh trước đó. Doanh nghiệp thực hiện dự án là Công ty S, vốn điều lệ tối thiểu là 14.590.000.000 đồng.

* Quá trình triển khai và thực hiện hợp đồng: Cảng H đã thực hiện, hoàn thiện các thủ tục về đất, đăng ký các dự án đầu tư, lập và trình duyệt quy hoạch tổng thể khu vực Cảng HN đến năm 2020, giám sát quy trình, quy định thực hiện dự án, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật của đối tác trong quá trình triển khai dự án.

- Bàn giao đất và tài sản, tổng diện tích đất Cảng H đã bàn giao cho Công ty S là 20.477 m², bàn giao tài sản là Văn phòng làm việc. Riêng cầu tàu B2, B3, hai bên

mới lập kế hoạch bàn giao, chưa ký Biên bản bàn giao nhưng Công ty S đã chiếm giữ và sử dụng không trả lại cho Cảng HN.

- Xử lý hỗ trợ giải phóng mặt bằng: Công ty S chi 400.000.000 đồng; Cảng HN chi 8.802.752.000 đồng. Số tiền này được ghi nhận vào giá trị góp vốn của từng bên. (BBLV 7/12/2009).

- Đảm bảo cung cấp bãi đậu xe, hàng hóa đúng chất lượng, số lượng và tiến độ mà hai bên đã thống nhất, cung cấp nhân công lao động như thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác.

Về phía Công ty S đã liên tục vi phạm thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết, từ đó gây thiệt hại nghiêm trọng cho Cảng Hà Nội. Công ty đầu tư thực hiện 10 công trình trên khu đất dự án nhưng chỉ có một công trình duy nhất được cơ quan chức năng phê duyệt.

Cụ thể: Công ty S đầu tư thi công Gói 2 thuộc DA “Đầu tư nâng cấp tuyến đường trước Bến Cảng HN”: Đây là dự án do Cảng HN làm Chủ đầu tư. Do toàn bộ khối lượng Gói 2 (sửa chữa, nâng cấp khoảng 600m² đường) nằm trong khu vực liên doanh nên với tư cách là đối tác liên doanh, Công ty S đã nhận thi công và các bên thống nhất giá trị đầu tư sau quyết toán sẽ được ghi nhận vào giá trị góp vốn của Công ty S (*Biên bản họp ngày 02/06/2009*). Công ty S đã ký hợp đồng với Công ty xây lắp và tư vấn thiết kế thi công xây dựng công trình này nhưng trong quá trình thực hiện thi công, Công ty S không thông báo chi phí đầu tư nên Cảng H không có số liệu chính xác.

- Việc triển khai Dự án “*Dịch vụ du lịch trên Sông Hồng, dịch vụ lễ hành, thể thao và giải trí*” được tiến hành theo từng giai đoạn với điều kiện phải hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định. Công ty S tiến hành thực hiện tiểu dự án “*Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ du lịch thể thao và giải trí S*” bao gồm: Công trình “*Nhà hàng 2, Sân Tennits và nhà phụ trợ*”, “*Nhà thưởng trực, cổng Cảng Hà Nội*”. Tiểu DA được thực hiện trên tổng diện tích là 10.403 m² đất, với số tiền dự kiến là 29.898.904.000 đồng. Tổ chức thực hiện: “*Giao cho Công ty SNSH chủ trì, chịu trách nhiệm hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý và Đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành để thực hiện Dự án; Lập thiết kế thi công theo đúng chế độ hiện hành; Làm thủ tục với các cơ quan chức năng của địa phương về công tác an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo đúng quy định của nhà nước*”. Tuy nhiên, Công ty S liên tục vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh và quy định của pháp luật khi tiến hành thi công xây dựng các công trình. Cụ thể:

- Không nghiêm túc thực hiện đúng quy định, trình tự, thủ tục pháp lý về đầu tư xây dựng cơ bản: Trừ công trình làm đường Gói 2, các công trình khác do Công ty S xây dựng trên đất dự án đều chưa lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trong dự toán xây dựng để trình duyệt, chưa hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý theo quy định đã tự ý triển khai thi công và thi công không đảm bảo vệ sinh an toàn (*đổ đất thải ra bờ sông, kê rọ đá sát mép cầu tàu...*). Khi phát hiện những sai phạm, Cảng Hà Nội, đã liên tục có công văn cảnh báo, yêu cầu Công ty tạm dừng thi công để hoàn tất thủ tục pháp lý, hoàn thành thiết kế, phương án thi công...nhưng Công ty không có thiện chí hợp tác. Phòng An ninh kinh tế, Thanh tra sở xây dựng và các cơ quan chức năng của Hà Nội đã kiểm tra, lập biên bản và chỉ ra các sai phạm của Công ty S. Thanh tra sở xây dựng Hà Nội nhiều lần yêu cầu dỡ bỏ những công trình nằm trên hành lang xả lũ nhưng Công ty S cũng vẫn không thực hiện.

- Không chứng minh được nguồn vốn: Công ty S đã không chứng minh được nguồn vốn đầu tư như đã cam kết để đảm bảo thực hiện dự án. Cảng H đã có nhiều công văn nhắc nhở (ghi nhận trong văn bản số 198/QLDA ngày 04/08/2009) nhưng bên Công ty S không có văn bản trả lời thỏa đáng.

- Sổ sách kế toán tài chính không công khai minh bạch: Công ty S không công khai và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của dự án kể từ khi ký hợp đồng đến nay cho Ban quản lý và Cảng HN như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Cổ tình không đối chiếu, thanh toán công nợ: Từ năm 2010 Công ty S đã không thanh toán công nợ và từ năm 2015 họ không đối chiếu và cũng không thanh toán công nợ.

Những sai phạm trên của Công ty S đã khiến dự án không thể thực hiện, giá trị đầu tư vào các công trình trái phép này cũng không được Cảng HN chấp nhận. Tính đến thời điểm này Công ty S còn phải thanh toán cho Cảng H gồm:

+ *Nợ tiền vật tư (tiền thép+ bê tông): 890.703.691 đồng.*

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 59/HĐMB ngày 01/04/2011 và Hợp đồng nguyên tắc số 60A/HĐMB ngày 10/04/2011, Cảng H đã bán vật tư cho Công ty S. Ngày 19/06/2014, hai bên lập Bản đối chiếu công nợ phải thu trong đó có xác nhận Công ty S còn nợ Cảng HN tiền vật tư là: 890.703.691 đồng.

+ *Nợ lương cán bộ bảo vệ (năm 2012+ 2013+ 2014 + 2015): 991.800.000 đồng.*

Căn cứ thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Cảng H đã cung cấp cán bộ và bảo vệ cho Công ty S nhưng từ năm 2010 đến nay Công ty đã không thực hiện trách nhiệm trả lương đầy đủ cho người lao động. Việc Công ty S nợ lương cán bộ từ năm 2010 đến nay đã làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người lao động. Chi tiết nợ lương cụ thể như sau:

Nợ lương cán bộ năm 2012: 316.800.000 đồng (Thư xác nhận số dư ngày 31/12/2012);

Nợ lương cán bộ năm 2013: 324.000.000 đồng (Thư xác nhận số dư ngày 31/12/2013);

Nợ lương cán bộ năm 2014: 324.000.000 đồng (Thư xác nhận số dư ngày 02/01/2015);

Nợ lương cán bộ năm 2015: 27.000.000 đồng (Công ty SNSH không đối chiếu).

+ *Nợ tiền thuê đất (từ năm 2010 đến 2019) là: 24.738.637.704 đồng.*

Nhà nước có nhiều thay đổi về chính sách, giá thuê đất ngày càng cao, diện tích đất phải đóng tiền thuê đất là diện tích đất thực tế đang sử dụng (kể cả đất lưu không), số tiền theo thông báo trước đây chỉ là tạm thu. Theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng nguyên tắc), Công ty S phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê đất và chuyển tiền thuê đất hàng năm theo quy định của UBND thành phố Hà Nội cho Cảng HN nhưng Công ty đã không thực hiện. Thực tế, từ năm 2010 đến nay, Cảng HN, hàng tháng đã phải đóng thay cho Công ty S một khoản lớn tiền thuê đất. Cụ thể:

+ Tiền thuê đất (từ 2010 đến 2019) phải trả cho Nhà nước là **23.261.875.269** đồng. Bao gồm:

Tiền thuê đất năm 2010 là:

402.955.838 đồng

Tiền thuê đất năm 2011 là:	1.323.335.433 đồng
Tiền thuê đất năm 2012 là:	2.149.096.643 đồng
Tiền thuê đất năm 2013 là:	2.149.096.643 đồng
Tiền thuê đất năm 2014 là:	2.149.096.643 đồng
Tiền thuê đất năm 2015 là:	2.798.697.069 đồng
Tiền thuê đất năm 2016 là:	2.295.503.650 đồng
Tiền thuê đất năm 2017 là:	2.588.446.076 đồng
Tiền thuê đất năm 2018 là:	3.119.647.463 đồng
Tiền thuê đất năm 2019 (tính đến tháng 11) là:	2.383.064.035 đồng
Tiền thuê đất bổ sung năm 2010	1.623.473.000 đồng
Tiền thuê đất bổ sung năm 2011	1.323.335.433 đồng
Tiền thuê đất bổ sung năm 2014	1.308.590.983 đồng
+ Tiền thuế đất phi Nông nghiệp phải trả:	427.448.934 đồng gồm:
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2012 là:	42.347.106 đồng
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2013 là:	42.347.106 đồng
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2014 là:	42.347.106 đồng
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2015 là:	42.347.106 đồng
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2016 là:	42.347.106 đồng
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2017 là:	73.958.882 đồng
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2018 là:	73.958.882 đồng
Tiền thuê đất phi Nông nghiệp năm 2019 là:	67.795.642 đồng

Tổng số tiền thuê đất + thuế đất phi nông nghiệp là 24.738.637.704 đồng, Công ty S đã trả 1.049.313.500 đồng, số tiền còn lại Công ty Sao Nam Sông Hồng phải trả là **23.689.324.203 đồng**.

Công ty S đã không đối chiếu và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Cảng HN đã phải đứng ra trả thay cho Công ty toàn bộ các khoản nợ trên. Vì vậy, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên, và căn cứ quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, Công ty S phải thanh toán tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử với số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử là **18.240.987.553 đồng**, cụ thể:

- Lãi chậm trả tiền vật tư là:	658.341.366 đồng
- Lãi chậm trả tiền lương cán bộ, bảo vệ là:	530.999.162 đồng
- Lãi chậm trả tiền thuê đất là:	17.051.647.026 đồng

Cảng HN đã nhiều lần gửi công văn và cử cán bộ trực tiếp làm việc với Công ty S yêu cầu thanh toán công nợ nhưng không nhận được thiện chí, quan tâm và giải quyết. Đặc biệt, sau khi thực hiện chuyển đổi sang hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp (tháng 1/2014), Tổng công ty Vận tải T - Công ty CP đã phối hợp và chỉ đạo Cảng HN liên tục gửi công văn yêu cầu Công ty S dừng ngay các hành vi sai trái, yêu cầu Công ty S đến Cảng HN để làm việc nhưng không nhận được phản hồi.

Tổng công ty Vận tải T - Công ty CP và Cảng HN đã báo cáo thực tế tình trạng liên doanh liên kết với Công ty S lên các cơ quan chức năng để xin ý kiến chỉ đạo.

Theo Kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 2233/BC-STNMT-ĐKT ngày 11/10/2016 và ý kiến chỉ đạo của UBND TP Hà Nội tại công văn số 6483/UBND-DT ngày 09/11/2016: Tổng công ty Vận tải T - Công ty CP có trách nhiệm chủ động liên hệ với đơn vị (S) thỏa thuận chấm dứt hợp đồng liên doanh. Trường hợp các bên không thống nhất được thì liên hệ với Tòa án để được xem xét giải quyết theo quy định.

Thực hiện các ý kiến chỉ đạo trên, Tổng công ty Vận tải T - Công ty CP và Cảng HN đã gửi Công ty S công văn số 183/CHN ngày 12/12/2016 yêu cầu thanh toán các khoản nợ, truyền đạt ý kiến của UBND Thành phố Hà Nội nhưng Công ty không đáp ứng được tình hình của Cảng HN.

Trong suốt 10 năm liên doanh, Công ty S là doanh nghiệp thực hiện dự án đã không thực hiện theo các điều khoản hợp đồng đã ký, không tôn trọng pháp luật, thể hiện sự không hợp tác đối với đối tác liên doanh liên kết là Cảng HN. Tổng công ty Vận tải T đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty SNSH dừng thi công để hoàn tất thủ tục pháp lý, yêu cầu thanh toán công nợ tồn đọng nhưng không nhận được bất cứ sự hợp tác nào từ đối tác. Việc liên doanh không mang lại hiệu quả cùng với số tiền nợ đọng quá lớn, kéo dài quá nhiều năm đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động và gây thiệt hại kinh tế trầm trọng cho Cảng HN.

Chính vì vậy, căn cứ vào các điều khoản đã thỏa thuận ký kết tại hợp đồng hợp tác kinh doanh, căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của các cơ quan chức năng, căn cứ vào tình trạng thực tế của các bên liên doanh, Tổng công ty Vận tải T - Công ty CP đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

1. Hủy Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Cảng H và Công ty S ;

2. Buộc Công ty S phải trả cho Cảng H số tiền là 140.632.087.447 đồng. Trong đó bao gồm:

- Tiền chi phí di dời bàn giao mặt bằng (số tiền Cảng H đã góp vốn) là 8.801.752.000 đồng;

- Tiền vật tư, tiền lương cán bộ, tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp là 25.571.827.894 đồng.

- Tiền lãi chậm nộp (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) các khoản nợ tiền vật tư, tiền lương cán bộ, tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp là 18.240.987.553 đồng.

- Tiền phạt gấp 10 lần số tiền Cảng HN góp vốn (theo Điều 10 của Bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung HĐHTKD-sửa đổi điều 12) số tiền là 88.017.520.000 đồng.

2. Bị đơn trình bày:

Ngày 07/3/2007, Cảng H lúc đó trực thuộc Tổng công ty Vận tải T ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng nguyên tắc) với Công ty cổ phần dịch vụ dạy nghề Thái Dương, ngày 19/3/2007 Công ty CP dịch vụ dạy nghề T (bên A) và ông Lê Thanh T (bên B) và Cảng H (bên C) đã ký tiếp hợp đồng hợp tác liên doanh với nội dung bên C có góp quyền sử dụng đất thuê và hạ tầng, tài sản trên đất để hai bên xây dựng phát triển khu du lịch dịch vụ lữ hành giải trí tại địa chỉ 78 B, quận H, H và các điều khoản liên quan, bên C có trách nhiệm và nghĩa vụ theo Điều 5.02 của Hợp đồng, bên A và C thực hiện dự án theo quy định tại Điều 5.01 Hợp đồng.

Ngày 07/8/2007, Cảng H (bên A), Công ty S (bên B) là doanh nghiệp thực hiện dự án được thành lập từ liên doanh giữa Công ty CP dịch vụ dạy nghề T và ông Lê Thanh T tiếp tục ký Bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hợp tác kinh

doanh ngày 02/4/2007, với nội dung chính là sửa đổi 3.01 và 3.02 của Hợp đồng như sau: *Cảng HN phải đóng góp Quyền sử dụng đất dự án, cung ứng tối thiểu 25 lao động, tài sản bao gồm cầu tàu, văn phòng... Bên Công ty TNHH S phải đóng góp tối thiểu khoản tiền tương đương 14.590.000.000 đồng, xin các thủ tục để thực hiện dự án....*

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Cảng H đã bàn giao tổng số 20.477 m² trong đó có 11.049 m² là đất lưu không nằm ngoài diện tích Cảng H được thuê của Thành phố. Sau ngày bàn giao cuối cùng 01/10/2010 Công ty S đã quản lý, sử dụng khai thác toàn bộ 20.477 m² đất cho đến nay, Công ty đã thực hiện các công việc gồm:

- + Làm đường dài 06 km/1,8 km, cảng làm 1,2 km còn lại.
- + Chuyển cho Cảng HN 500.000.000 đồng/2 năm là tiền hỗ trợ cho người lao động (ngày 24/09/2007 đến ngày 25/01/2010).
- + Hỗ trợ giải phóng mặt bằng 1.470.000.000 đồng.
- + Trả tiền dịch vụ bảo vệ 759.200.000 đồng (ngày 7/01/2009 đến 25/04/2012).
- + Tiền thuê đất 1.049.313.500 đồng (từ 23/7/2009 đến 08/7/2014).

Theo điều 5.01 của Hợp đồng “*Cảng HN cam đoan rằng mình có quyền sử dụng đất hợp pháp với lô đất dự án*” tuy nhiên Cảng H đã không thực hiện việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo điều 5.01 của Hợp đồng nên ảnh hưởng đến các thủ tục pháp lý sau này để Công ty S không thực hiện được dự án, doanh nghiệp này chưa có bất kỳ hoạt động nào để phát sinh lợi nhuận được. Từ ngày nhận bàn giao mặt bằng phía Công ty S mới nâng cấp các kho hàng của Cảng trong phần diện tích thuê đất để làm trụ sở.

Về số tiền dịch vụ bảo vệ Công ty S đã thanh toán hết năm 2011, qua nhiều lần chuyển tiền Cảng H không cung cấp cho Công ty S hóa đơn để Công ty làm hồ sơ thanh toán hợp lý chi phí bỏ ra. Đối với tiền thuê đất Công ty cũng yêu cầu Cảng H cung cấp các chứng từ thuê đất hợp pháp, cung cấp biểu thuế từng năm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp khu đất đã bàn giao để Công ty hoàn tất thủ tục thực hiện dự án.

Trong hơn 10 năm thực hiện dự án, với tư cách là bên thực hiện Công ty không thể tiến hành các hoạt động theo quy định của hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận bởi lẽ do Cảng H không lo được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến mọi hoạt động không thể thực hiện được, Công ty S đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của Cảng HN.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H đã xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty vận tải T - CTCP đối với Công ty S ;

2/ Tuyên bố Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng nguyên tắc) ngày 07/03/2007; Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 19/3/2007; Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 02/4/2007 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung ngày 07/8/2007 giữa Tổng công ty Vận tải T - CTCP với Công ty S là vô hiệu.

3/ Công ty S phải bàn giao lại 20.477m² đất cho Tổng công ty Vận tải T - CTCP đồng thời di chuyển các tài sản của Công ty S ra khỏi phần diện tích khu đất nêu trên.

4/ Công ty S phải thanh toán tiền chênh lệch thiệt hại từ hợp đồng vô hiệu cho Tổng công ty Vận tải T - CTCP số tiền là 7.698.723.706 đồng.

5/ Bác các yêu cầu khác của Tổng công ty Vận tải T - CTCP.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không đồng ý với án sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo toàn bộ bản án.

- Nguyên đơn kháng cáo cho rằng: không đồng ý việc xác định hợp đồng hợp tác hai bên ký kết là vô hiệu mà yêu cầu huỷ hợp đồng hợp tác do bên bị đơn vi phạm hợp đồng; Buộc bị đơn phải trả lại số tiền nợ đọng là hơn 140 tỷ đồng (trong đó có phạt vi phạm là 88 tỷ đồng); Tòa án sơ thẩm xác định giá trị thiệt hại mức độ lỗi của hai bên là chưa hợp lý, không giải quyết các khoản tiền bị đơn nợ nguyên đơn, chưa đúng gây thiệt hại cho nguyên đơn, tuyên án không rõ ràng.

- Bị đơn kháng cáo cho rằng: Hợp đồng hợp tác không thể vô hiệu, lý do hợp đồng không thực hiện được do bên nguyên đơn vi phạm không xin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho bị đơn. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay: các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác do bị đơn vi phạm.

- Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo cho rằng hợp đồng hợp tác hai bên ký không bị vô hiệu, nguyên đơn vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến việc xây dựng không phép của bị đơn (vì không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Xác nhận Công ty S hiện quản lý 20.477m² trên cơ sở hợp đồng hợp tác với Cảng Hà Nội, các công trình xây dựng hiện có là 16 như Tòa án sơ thẩm xác định là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Hợp đồng hợp tác giữa hai bên là vô hiệu, về lỗi Tòa án sơ thẩm xác định 60% và 40% là đúng. Các công trình bị đơn xây dựng không có giấy phép nên không xác định là thiệt hại để tính bồi thường là đúng. Tiền thuê đất, thuê đất nguyên đơn đã nộp thay bị đơn phải trả cùng lãi suất tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Số tiền 890 triệu đồng là tiền mua bê tông/mua bán hàng hóa nên bị đơn phải trả nguyên đơn cả gốc và lãi chậm thanh toán (theo Án lệ số 09) không phải trả lãi của 23 tỷ đồng tiền thuế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh. Bị đơn là Công ty TNHH S, có trụ sở tại: số 78 B,

phường T, quận H, H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận H thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xem xét yêu cầu kháng cáo thứ nhất của nguyên đơn cho rằng hợp đồng hợp tác giữa hai bên không vô hiệu mà phải hủy bỏ do bị đơn vi phạm cũng như kháng cáo của bị đơn xác định hợp đồng không vô hiệu mà nguyên đơn vi phạm hợp đồng, HĐXX thấy rằng:

Xét về quyền sử dụng đất của nguyên đơn: Theo văn bản số 2233/BC-STNMT-ĐKT ngày 11/10/2016 của Sở Tài nguyên Môi Trường TP Hà Nội thể hiện từ ngày 14/09/1965 Ủy ban hành chính Hà Nội đã có Giấy ủy nhiệm sử dụng đất số 413/KTCB/K2 đồng ý để Xí nghiệp Cảng Sông Hồng sử dụng 240.000 m² đất tại xã Thanh Lương, khu Hai Bà để xây dựng Bến cảng Hà Nội, thời hạn sử dụng đất dài hạn.

Ngày 22/4/1999 Cảng H - Sở Giao thông Vận tải và Sở Địa chính Nhà đất Hà Nội đã ký hợp đồng thuê đất số 04-24599/ĐC - ND - HĐĐD với nội dung ‘*Sở Địa chính Nhà đất Hà Nội đồng ý ký hợp đồng cho Cảng H thuê 91.500 m² tại địa chỉ 78 Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng vào mục đích làm trụ sở làm việc, kho bãi.... thời hạn thuê 20 năm ...*’.

Tại Quyết định số 6234/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBNDTP Hà Nội về việc tiếp tục cho Tổng công ty Vận tải T thuê 146.385 m² tại 78 Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để tiếp tục cùng với công trình đã xây dựng làm cơ sở sản xuất kinh doanh (Cảng Hà Nội) có nội dung: “*Điều 1: Cho Tổng công ty Vận tải T thuê 146.385 m² đất tại 78 Bạch Đằng, P Thanh Lương, Q Hai Bà Trưng để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm cơ sở sản xuất kinh doanh (Cảng H), tuyệt đối không xây mới công trình; Thời hạn thuê đất hàng năm...*” “*Điều 2: Tổng công ty Vận tải T có trách nhiệm ... liên hệ với Sở Tài nguyên môi trường để thanh lý Hợp đồng thuê đất số 04-24599/ĐC-ND-HĐĐD ngày 22/4/1999*” “*Điều 3: Sở Tài nguyên môi trường thanh lý hợp đồng thuê đất 04-24599/ĐC -ND - HĐĐD ngày 22/4/1999 và ký hợp đồng thuê đất mới...*”

Tại Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 13/05/2016 của UBND TP Hà Nội về điều chỉnh tên pháp nhân sử dụng đất và địa chỉ khu đất tại Quyết định 6234/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND TP Hà Nội đã quyết định “*Điều 1: Điều chỉnh tên pháp nhân sử dụng đất và địa chỉ khu đất tại Quyết định 6234/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND TP Hà Nội...như sau: Pháp nhân sử dụng đất là Tổng công ty Vận tải T được đổi thành Tổng công ty Vận tải T – Công ty Cổ phần; Địa chỉ khu đất số 78 B đổi thành 838 B, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng... Các nội dung khác tại Quyết định 6234/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND TP Hà Nội...vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành*”

Ngày 31/3/2017 Tổng công ty Vận tải T - CTCP ký hợp đồng thuê đất số 177/HĐĐD với Sở tài nguyên Môi trường Hà Nội với một số nội dung: ‘*.. diện tích đất thuê là 146.385 m² tại 838 phố Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, thời hạn thuê : hàng năm...*’, ‘*... mục đích thuê để sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh (Cảng Hà Nội) theo QĐ 2326 ngày 13/05/2016 của UBND TP Hà Nội..*’, ‘*...Đơn giá thuê đất ngoài chỉ giới để làm sân, đường nội bộ, lưu không, cây xanh, cầu cảng, trạm bơm là 124.950 đ/1m²/năm. Đơn giá thuê đất ngoài*

chỉ giới làm công trình thương mại, văn phòng kho, xưởng là 306.680 đồng/m²/năm. Được áp dụng từ ngày 13/05/2016 đến hết ngày 12/05/2021...’, ‘... Hợp đồng thuê đất số 04-24599 ngày 22/4/1999 ký giữa Sở Địa chính nhà đất Hà Nội và Cảng H – Sở Giao thông vận tải đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2016’.

Lời khai của các bên và các tài liệu do cơ quan Thanh tra xây dựng cung cấp thể hiện hầu hết các công trình xây dựng lớn và kiên cố từ năm 2010 cho đến khoảng tháng 1/2016. Đến ngày 31/3/2017 phía nguyên đơn vẫn được ký lại hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (đơn vị được ủy quyền của UBND thành phố Hà Nội) chứng tỏ nguyên đơn vẫn có quyền với 146.385m² đất (trong đó có 20.477m² mà nguyên đơn đã ký hợp đồng hợp tác với bị đơn).

Như vậy căn cứ theo các tài liệu trên có đủ cơ sở xác định Cảng H có quyền quản lý và sử dụng đất hợp pháp tại địa chỉ 78 Bạch Đằng (nay là 838 B), phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Xét về các Hợp đồng hợp tác kinh doanh: Được sự ủy quyền của Tổng công ty đường sông miền Bắc, nay là Tổng công ty Vận tải T - CTCP, ngày 07/03/2007 Cảng H và Công ty CP dịch vụ và dạy nghề Thái Dương đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng nguyên tắc) với nội dung ‘*Xây dựng phát triển và khai thác khu du lịch trên Sông Hồng, dịch vụ lữ hành thể thao và giải trí tại 78 Bạch Đằng ,Hai Bà Trưng , Hà Nội...*’

Cảng H ‘*đóng góp mặt bằng và các tài sản hiện có trên khu đất Cảng đang quản lý hợp pháp để tham gia xây dựng dự án*’, bên Công ty Thái Dương ‘*đóng góp vốn không thấp hơn 14.950.000.000 đồng để phục vụ dự án*’. Hai bên thống nhất ‘*Tài sản được góp vào kinh doanh vẫn thuộc quyền sở hữu của chính bên góp vốn*’ Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.

Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc trên, ngày 19/3/2007 Cảng H với tư cách bên góp vốn và Công ty CP dịch vụ dạy nghề T với tư cách Chủ đầu tư đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung ‘*các bên thỏa thuận hợp tác để xây dựng đồng bộ và khai thác khu dịch vụ du lịch trên sông Hồng...Cảng H đóng góp Quyền sử dụng khu đất dự án, người lao động và tài sản khác ... Công ty Thái Dương đóng góp tối thiểu 14.590.000.000 đồng để chi các hoạt động nghiên cứu ,khảo sát ,lập dự án,thiết kế xây dựng các hạng mục công trình...,tuyển người lao động,quyền sở hữu trí tuệ, tài sản khác...*”

Ngày 02/4/2007 Cảng H (C bên góp vốn) cùng với Công ty CP dịch vụ dạy nghề T (A) và ông Lê Thanh T (B- A và B là chủ đầu tư) ký hợp đồng hợp tác hợp tác kinh doanh. Nội dung hợp đồng *các bên thỏa thuận để xây dựng đồng bộ phát triển khai thác khu du lịch dịch vụ lữ hành thể thao giải trí trên Sông Hồng gồm 3 khu dịch vụ là Bến tàu du lịch, nhà hành ăn uống; Khách sạn, trung tâm thể thao, giải trí ..; Trung tâm điều hành, giao dịch ,các dịch vụ...; Và khu công trình phụ trợ gồm công trình văn hóa tường rào cây xanh, các công trình hạ tầng giao thông sân bãi chiếu sáng....*. “*Bên A - Công ty Thái Dương cam kết đóng góp tối thiểu 7.295.000.000 đồng để chi các hoạt động nghiên cứu, khảo sát ,lập dự án, thiết kế xây dựng các hạng mục công trình...,tuyển lao động,quyền sở hữu trí tuệ, tài sản khác...Bên B - Ông Lê Thanh T đóng góp tối thiểu 7.295.000.000 đồng để chi các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, lập dự án, thiết kế xây dựng các hạng mục công trình...,quyền sở hữu trí tuệ , tài sản khác...*”

Trên cơ sở Hợp đồng, Công ty S được thành lập theo Luật doanh nghiệp bởi 2 thành viên là Công ty CP dịch vụ dạy nghề T và ông Lê Thanh T. Ngày 07/8/2007 các bên ký bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã xác định lại các Chủ đầu tư, bao gồm: Cảng H (Bên A) và Công ty S (Bên B), thực hiện dự án là Công ty S, vốn điều lệ tối thiểu là 14.590.000 đồng.

Trên tinh thần hợp tác kinh doanh nên khi ký kết hợp đồng các bên có quy định thống nhất về việc đóng góp vốn để thực hiện hợp đồng. Theo nội dung Hợp đồng nguyên tắc và các Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng hợp tác kinh doanh đều thể hiện phần góp vốn của Cảng H là Quyền sử dụng Khu đất dự án và tài sản khác... (Điều 3.02 hợp đồng HTKD ngày 19/3/2007; Điều 3.03 hợp đồng HTKD ngày 02/4/2007 và Điều 3.01 bản thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng ngày 07/8/2007)

Về mặt pháp lý Cảng H có quyền quản lý và sử dụng đất hợp pháp đối với khu đất dự án góp vốn vào hợp tác kinh doanh.

Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất theo Luật đất đai.

Khoản 1 điều 111 Luật đất đai năm 2003 quy định “ *Tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất có các quyền nghĩa vụ sau c, Góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê ...đ, Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất trước ngày Luật này có hiệu lực mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm thì có các quyền nghĩa vụ tại điều 110 Luật này trong thời hạn đã trả tiền thuê đất...*”. Điều 110 Luật đất đai 2003 quy định về quyền nghĩa vụ của tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất . “...2.đ ,Góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất để hợp tác kinh doanh...”

Điều 174 luật đất đai năm 2013 quy định “ *Tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất 1 lần cho cả thời gian thuê ... có quyền ,Góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất để hợp tác kinh doanh...*”

Điều 175 Luật đất đai năm 2013 quy định “ *Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có quyền ...d.Góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê ...*

Tại Hợp đồng thuê đất số 04 -24599/ ĐC -NĐ – HĐĐĐ ngày 22/4/1999 giữa Cảng H - Sở Giao thông Vận tải với Sở Địa chính Nhà đất Hà Nội có nêu ‘1.3 Thời hạn thuê đất là 20 năm kể từ ngày 01.01.1996...4.3 Thể thức thanh toán: Bên thuê đất liên hệ với Chi Cục thuế quận Hai Bà Trưng, Cục thuế Hà Nội để làm thủ tục nộp tiền thuê đất hàng năm theo QĐ 1357.TC/QĐ/TCT ngày 30.12.1995 của Bộ tài chính...’.

Quyết định 6234/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân TP Hà Nội về việc cho Tổng công ty Vận tải T tiếp tục thuê 146.385 m2 đất tại 78 Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm cơ sở sản xuất kinh doanh (Cảng H) tại điều 2 có nêu “*Tổng công ty Vận tải T có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế Hà Nội để nộp tiền thuê đất hàng năm...*”

Hợp đồng thuê đất số 177/HĐĐĐ- STNMT-CCQLĐĐ ngày 31/3/2017 giữa Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội (đơn vị được ủy quyền)- Bên cho thuê đất và

Tổng công ty Vận tải T , CTCP – Bên thuê đất có nêu “ Điều 1. Thời hạn thuê đất là hàng năm...Điều 2. Phương thức nộp tiền thuê đất : Mỗi năm chia 2 kỳ , kỳ 1 nộp tối thiểu 50% tổng số tiền thuê đất hàng năm....”

Theo 06 biên bản bàn giao hai bên lập ký từ năm 2007 đến năm 2010 thì Cảng H đã bàn giao cho Công ty S 20.477m².

Theo các Thông báo nộp tiền thuê đất, Giấy nộp tiền thuê đất... do Cảng H xuất trình tại Tòa đều thể hiện Cảng H nộp thuê đất, thuê đất phi nông nghiệp hàng năm cho Cơ quan thuế.

Như vậy đối chiếu với các quy định nêu trên của Luật đất đai năm 2003 và năm 2013, theo quy định tại điều 122,127,128, 410 Bộ Luật dân sự 2005 quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự thì Cảng H là tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm nên không được góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác kinh doanh với Công ty S song hai bên vẫn tiến hành ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh là vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, Tòa án sơ thẩm xác định các Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng công ty Vận tải T - CTCP và Công ty S là vô hiệu là đúng.

Do vậy, kháng cáo của cả nguyên đơn và bị đơn về nội dung này không được chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo thứ hai của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 140 tỷ đồng trong đó có phạt vi phạm là 88.017.052.000 đồng và phạt chậm trả là 18.240.987.553 đồng thì thấy rằng: do hợp đồng hợp tác bị vô hiệu thì thoả thuận phạt vi phạm không có giá trị (và nó cũng trái mức phạt vi phạm quy định tại Điều 301 Luật thương mại 2005, các tài liệu có trong hồ sơ cũng thể hiện nguyên đơn không đầu tư hơn 8,8 tỷ như đã khai, các tài sản giao cho bị đơn chỉ giao cho để sử dụng mà không giao quyền sở hữu/Điều 2 Hợp đồng ngày 07/3/2007). Kháng cáo thứ hai của nguyên đơn không được chấp nhận.

2.3. Xét kháng cáo thứ ba của nguyên đơn về mức độ lỗi khi các bên ký kết hợp đồng hợp tác thì thấy rằng: các bên khi giao kết hợp đồng hợp tác đều có tranh nhiệm tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan. Cả hai bên đều có lỗi trong giao kết các hợp đồng hợp tác này. Trong đó bên nguyên đơn là bên có quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê nên phải là bên có lỗi nhiều hơn. Việc xác định lỗi và trách nhiệm với thiệt hại như Tòa án sơ thẩm với tỷ lệ 60% của nguyên đơn và 40% của bị đơn là chưa hợp lý mà phải là 70% của nguyên đơn và 30% của bị đơn.

2.4. Xem xét kháng cáo về thiệt hại do hợp đồng vô hiệu thì thấy cần phải xác định các khoản chi phí các bên đã bỏ ra đầu tư vào dự án/ liên doanh này là thiệt hại:

Về tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp, theo thoả thuận của hai bên trong hợp đồng hợp tác thì số tiền đó thuê và thuế đất hàng năm do Công ty S chịu trách nhiệm trả. Trên thực tế thì Công ty S đã chuyển cho Cảng H trả tiền thuê của diện tích đất 20.477m² từ năm 2007 đến năm 2011, sau đó không chuyển tiền thuê đất hàng năm để Cảng H nộp ngân sách Nhà nước theo các thông báo của cơ quan thuế.

Căn cứ vào các thoả thuận trong hợp đồng hợp tác, thông báo của cơ quan thuế và cách tính phân chia nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp của phía nguyên đơn trên diện tích đất phía bị đơn quản lý 20.477m² trong tổng số diện tích đất mà nguyên đơn phải nộp thuế thì thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm, tiền thuê đất phi nông nghiệp từ năm 2007 đến tháng 11/2019 – khi xét xử sơ thẩm số tiền phải nộp là 24.738.637.704 đồng là chính xác.

Công ty S đã trả 1.049.313.500 đồng và Cảng H phải nộp thay là 23.689.324.203 đồng (đây là số tiền Cảng H phải nộp thay cho Công ty S để đảm bảo quyền sử dụng, quản lý 20.477m² đất liên doanh không bị thu hồi. Đây là nghĩa vụ của người sử dụng 20.477m² đất đối với Nhà nước nên dù hợp đồng hợp tác có vô hiệu cũng không loại trừ nghĩa vụ chịu tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp của bị đơn đang sử dụng 20.477m²). Nên yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn/ Công ty S phải trả lại khoản tiền này là đúng.

Mặt khác, khoản tiền 23.689.324.203 đồng này sẽ được coi là khoản đầu tư của bên liên doanh và khi hợp đồng vô hiệu thì nó là khoản thiệt hại mà các bên tham gia phải chịu thiệt hại trên mức lỗi của mình đã được xác định ở trên (tỷ lệ 70% và 30%).

Đối với số tiền nợ vật tư của hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 01/4/2011, biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/4/2014, ngày 02/1/2015 thì số tiền này phải xác định là tiền nợ mua bán hàng hoá không phải là tiền đầu tư vào dự án của Cảng Hà Nội, phía bị đơn phải trả gốc là 890.703.691 đồng và lãi chậm thanh toán theo Điều 305 Luật thương mại (lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là Agribank-Vietcombank-Vietinbank tháng 11/2019 là 10,5%/năm và lãi suất quá hạn = 150% x 10,5%/năm = 15,75%/năm). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 09%/năm và lãi suất nợ quá hạn 150% của 9% = 13,5%/năm. Xét đề nghị của đại diện nguyên đơn là phù hợp và cần ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn. Do đó, xác định thời điểm tính lãi chậm thanh toán là từ ngày chốt công nợ (ngày 01/7/2014) đến ngày 22/11/2019, cụ thể số tiền lãi là: 890.703.691 đồng x 13,5%/năm x (1.971 ngày) = 658.341.366 đồng.

Kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định Công ty S đã đầu tư bao gồm: 4.405.745.550 đồng, trong đó:

- + Tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng: 1.600.000.000 đồng;
 - + Tiền lương bảo vệ từ năm 2008 đến năm 2011: 769.200.000 đồng;
 - + Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2007 đến năm 2011: 1.049.313.500 đồng;
 - + Tiền làm đường gói 2 (theo kết quả định giá): 987.232.050 đồng.
 - Số tiền Cảng H đã chi gồm:
 - + Lương bảo vệ từ năm 2012 đến 2015: 991.800.000 đồng;
 - + Tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng: 268.599.670 đồng (theo biên bản làm việc ngày 07/12/2011);
 - + Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp: 23.689.324.203 đồng;
- Tổng cộng là 29.335.469.423 đồng.

Trên cơ sở lỗi và trách nhiệm của hai bên thì bên Cảng H phải chịu thiệt hại tương đương 70% lỗi là 20.538.828.596 đồng; Công ty S phải chịu thiệt hại tương đương 30% lỗi của mình là 8.800.640.827 đồng. Đối trừ số tiền đã bỏ ra thì Công ty S phải thanh toán chênh lệch thiệt hại do hợp đồng vô hiệu là 4.394.895.277 đồng.

Như phân tích ở trên số tiền hai bên mua bê tông và thép không phải là khoản Cảng H đầu tư vào dự án mà là khoản nợ (theo hợp đồng mua bán hàng hoá), Công ty S phải trả nguyên đơn số tiền gốc là 890.703.691 đồng và lãi chậm trả từ tháng 7/2014 đến tháng 11/2019 là 658.341.366 đồng.

Khoản tiền lương bảo vệ từ năm 2012 đến năm 2015 mà Cảng H đã chi trả. Đối với khoản này đã được xác định là khoản Cảng H đầu tư vào dự án.

Khoản tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp mà Cảng H phải trả thay 23.689.324.203 đồng (Toà án sơ thẩm đã nhận định, thống kê là đúng) thì Công ty S phải trả gốc và lãi, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất phạt nộp chậm trả thuế là 18,25%/năm, HĐXX phúc thẩm thấy đây là quy định của cơ quan nhà nước đối với đối tượng nộp thuế chậm, còn trong tranh chấp này là việc thanh toán tiền nộp thuế nguyên đơn phải nộp cho bị đơn nên áp dụng lãi suất ngân hàng công thương cho vay tháng 11/2019 là 9%/năm tương ứng với các thời gian chậm trả là phù hợp. Do đó, số lãi được tính toán lại đến khi xét xử sơ thẩm là 9.089.624.817 đồng.

Đối với các công trình xây dựng nằm trên 20.477m² đất đang có tranh chấp, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm đã xác định là ngoài khu nhà văn phòng làm việc và cầu tàu B2, B3 của Cảng H trước đây thì còn có các công trình xây dựng vật kiến trúc khác xây sau khi Công ty S nhận bàn giao 20.477m² đất từ Cảng Hà Nội. Toà án đã yêu cầu Công ty S cung cấp các tài liệu chứng cứ, các hạng mục xây dựng cải tạo đầu tư vào mặt bằng 20.477m² kể từ thời điểm Công ty S nhận bàn giao mặt bằng tuy nhiên Công ty không cung cấp. Toà án cũng tiến hành xem xét thẩm định định giá nhưng cũng không thực hiện được do phía Công ty S không mở cửa, không hợp tác nên không xác định được cụ thể giá trị các công trình xây dựng trên phần diện tích đất liên doanh nêu trên. Toà án cấp sơ thẩm phải thu thập chứng cứ tại các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Căn cứ các tài liệu do Thanh tra quận Hai Bà Trưng và Sở xây dựng Hà Nội cung cấp, từ năm 2016 Thanh tra Sở xây dựng Hà Nội phối hợp cùng với Công an TP Hà Nội, UBND quận Hai Bà Trưng, UBND phường Thanh Lương đã lập đoàn kiểm tra xác định vị trí các công trình xây dựng gồm 10 công trình, được Công ty S xây dựng, cải tạo nâng cấp trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến 2016 trên phần diện tích đất Cảng H và Công ty S hợp tác kinh doanh. Cụ thể như sau (theo biên bản kiểm tra hoạt động xây dựng của Thanh tra Sở XD Hà Nội ngày 25/01/2016) gồm có 10 công trình đã mô tả, liệt kê và đánh giá trong bản án sơ thẩm là chính xác:

- Công trình số 1: Nhà bê tông cốt thép xây 3 tầng, diện tích xây dựng tầng 1 là 24,8 m² x 8,1 m² = 200,88 m², chiều cao tầng 3,6 m, tầng 2 là 3,3 m, tầng 3 là 3,3 m (là trụ sở hoạt động của Công ty S)

- Công trình số 2: Nhà 1 tầng, xây tường một phần đổ mái bê tông cốt thép, một phần xây tường chưa có mái, diện tích xây dựng khoảng 66m x 51 m = 3.366 m², chiều cao tầng 5,9 m, công trình xây dựng đang dở dang.

- Công trình số 3: Nhà bê tông cốt thép 3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 690 m², chiều cao tầng 1, tầng 2 là 3,6 m, tầng 3 là 3,3 m.

- Công trình số 4: Nhà 1 tầng, mái vát dán ngói cao khoảng 3,1 m, diện tích xây dựng khoảng 219,45 m².

- Công trình số 5: Nhà 1 tầng, xây tường mái tôn, cao 3,1 m, diện tích xây dựng khoảng 94,2 m².

- Công trình số 6: Nhà bê tông cốt thép gồm 1 tầng hầm, 2 tầng nổi và 1 tum thang, xây dựng trên diện tích khoảng 1.288 m². Chiều cao tầng hầm là 2,7 m, chiều cao tầng 2 và 3 là 3,6 m. Công trình nằm gần vị trí cầu tàu B7, đối diện VP Cảng Hà Nội.

- Công trình 7: Nhà 1 tầng, 1 tum thang, xây bê tông cốt thép, mái vát dán ngói, diện tích xây dựng khoảng 486,6 m², chiều cao 3,3 m.
- Công trình số 8: Nhà 1 tầng, 1 tum thang, xây bê tông cốt thép, mái vát dán ngói, diện tích xây dựng khoảng 367,6 m², chiều cao 3,6 m
- Công trình số 9: Nhà xây tường chịu lực, lợp tôn và ngói, cao 3,6 m, diện tích khoảng 909m².
- Công trình số 10: Đường bê tông xi măng dài 600m, dày 20 cm, rộng 10,5 m có 2 vỉa hè, mỗi vỉa hè rộng 3m.

Các công trình số 1, 2, 3 theo Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 14/3/2017 của Đội thanh tra xây dựng quận Hai Bà Trưng và Báo cáo số 72/Ttr-KHTH ngày 30/1/2018 của Thanh tra Sở xây dựng Hà Nội tuy có địa chỉ số 916 Bạch Đằng nhưng vẫn nằm trong diện tích 20.477m².

Tòa án sơ thẩm xác định trong thời gian các bên thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty S hoặc ai đó đã xây dựng các công trình trên diện tích 20.477 m² đất bị đơn đang quản lý. Quá trình giải quyết vụ án, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án sơ thẩm đã nhiều lần (03 lần) thông báo cho các đương sự, các cá nhân, tổ chức có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong phạm vi 20.477 m² đất liên doanh nếu có quyền lợi và nghĩa vụ gì yêu cầu liên hệ đến Tòa án nhân dân quận H để Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự cũng như yêu cầu Công ty S cung cấp chi tiết các hạng mục công trình xây dựng, cải tạo sửa chữa, đầu tư vào mặt bằng 20.477 m² đất nhận bàn giao từ Cảng H và danh sách cá nhân, công ty, tổ chức có liên quan nhưng cho đến khi xét xử sơ thẩm Tòa án không nhận được bất cứ ý kiến hoặc tài liệu nào.

Ngoài 10 công trình nêu trên, Cảng H có thống kê 06 hạng mục công trình xây dựng trên khu đất dự án gồm

- Công trình 11: Nhà kho lợp tôn, diện tích 55,6 m²
- Công trình 12: Nhà xây bê tông lợp ngói, chưa có cửa, hiện bỏ không.
- Công trình 13: Nhà xây bát giác, bê tông lợp ngói, chưa có cửa, diện tích 19 m², hiện bỏ không.
- Công trình 14: Nhà xây cấp 4, mái tôn diện tích 39 m²
- Công trình 15: Nhà xây mái bê tông, lợp ngói, diện tích 50 m²
- Công trình 16: Tường rào xây phía ngoài tổng chiều dài khoảng 200 m. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện phía bị đơn xác nhận các thông tin về 16 công trình xây dựng trên 20.477 m² đang có tranh chấp.

Tòa án sơ thẩm đã tiến hành thành lập Hội đồng định giá để xem xét thẩm định và định giá đối với các công trình xây dựng nêu trên, do khối lượng, quy mô công trình cũng như phía Công ty S không hợp tác nên Hội đồng định giá thống nhất đề nghị thuê đơn vị tư vấn độc lập để xác định giá theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả của Công ty CP giám định và thẩm định tài sản Việt Nam – Bộ tài chính là đơn vị thực hiện, Hội đồng định giá đã thống nhất đối với 16 công trình xây dựng nêu trên, chỉ xác định giá của 10 công trình (từ 1 đến 10) đã được Thanh tra Sở xây dựng Hà Nội xác nhận thống kê tại Công văn số 72/TTr cung cấp các tài liệu về việc vi phạm xây dựng tại số 78 B với tổng giá trị còn lại là 28.870.480.831 đồng, 06 công trình xây dựng còn lại (từ 11 đến 16) do không đủ căn cứ xác định nên Hội đồng không tiến hành định giá. Tất cả các công trình trên đều không có

giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền vi phạm Điều 62 Luật xây dựng năm 2003 nên phải di dời hoặc dỡ bỏ.

Đối với công trình xây dựng số 10 gồm 600m đường thuộc gói thầu số 2 nằm trong khu vực liên doanh do Công ty S bỏ 100% vốn thi công, các bên cũng thống nhất giá trị đầu tư sau quyết toán sẽ ghi nhận vào giá trị vốn góp của Công ty S. Mặc dù hai bên chưa thống nhất xác định được tiền đầu tư vào công trình này nhưng trên thực tế công trình đã hoàn thành và là công trình duy nhất do Công ty H là Chủ đầu tư được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo Hội đồng định giá, giá trị còn lại của 600m đường bê tông là 987.232.050 đồng, nên xác định số tiền này là khoản tiền Công ty S đã đóng góp vào dự án.

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy việc mô tả, thống kê, định giá, nhận định của Tòa án sơ thẩm về các công trình xây dựng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, phần quyết định xử lý các công trình này chưa thật rõ nên cấp phúc thẩm cần sửa về cách tuyên án. Đối với phần tường rào (dài khoảng 200m và cổng) nếu khi thi hành án mà phía người được thi hành án có thể sử dụng được thì không phải dỡ bỏ mà cho người được thi hành án nhận phần tường rào và thanh toán giá trị xây dựng tại thời điểm thi hành án.

Trong trường hợp nêu có công trình xây dựng (nằm trên 20.477m² đất) mà có căn cứ pháp lý là của cá nhân, cơ quan tổ chức khác xây dựng chứ không phải do Công ty S xây dựng và giữa họ có tranh chấp thì họ sẽ có quyền khởi kiện ở một vụ việc khác nhưng vẫn phải có nghĩa vụ thi hành bản án này.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại: do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Đối với án phí sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ mình phải trả và nguyên đơn phải chịu đối với phần bị bác yêu cầu.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 122, 127, 128, 137, 410 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 110, 111 Luật đất đai 2003;
- Điều 62 Luật xây dựng năm 2003;
- Điều 306 Luật thương mại 2005;
- Căn cứ Nghị Quyết 326 của UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư của Tổng công ty vận tải T - CTCP đối với Công ty TNHH S .

2. Tuyên bố Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng nguyên tắc) ngày 07/03/2007; Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 19/3/2007; Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 02/4/2007 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung ngày 07/8/2007 giữa Tổng công ty Vận tải T - Công ty CP với Công ty TNHH S là vô hiệu toàn bộ. Lỗi và trách nhiệm chịu thiệt hại của Tổng công ty vận tải T - CTCP là 70%; Lỗi và trách nhiệm chịu thiệt hại của Công ty TNHH S là 30% của các thiệt hại.

3. Xác nhận thiệt hại của hợp đồng bị tuyên vô hiệu toàn bộ là 29.335.469.423 đồng. Thiệt hại bên Tổng công ty Vận tải T - CTCP phải chịu là 20.534.828.596 đồng; Công ty TNHH S phải chịu là 8.800.640.827 đồng. Sau khi đối trừ số tiền đã bỏ ra thì Công ty TNHH S phải trả chênh lệch lỗi trong hợp đồng vô hiệu là 4.394.895.277 đồng.

4. Công ty TNHH S phải thanh toán trả Tổng công ty Vận tải T - CTCP các khoản tiền còn nợ khác:

4.1. Tiền nợ vật tư là 890.703.691 đồng và tiền lãi là 658.341.366 đồng;

4.3. Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp là 23.689.324.203 đồng và lãi là 9.089.624.817 đồng.

Tổng các khoản phải trả ở mục 4 là 34.327.994.077 đồng.

5.1. Công ty TNHH S phải bàn giao lại toàn bộ diện tích 20.477m² đất tại địa chỉ số 78 phố B , phường T, quận H, thành phố H (nay là số 838 B) cho Tổng công ty Vận tải T - CTCP đồng thời phải chuyển dọn toàn bộ các tài sản, công trình (trừ các tài sản, công trình trước đây của Tổng công ty Vận tải T - CTCP) hiện có nằm trên 20.477m² phải trả cho Tổng công ty Vận tải T - CTCP. Nếu công trình, vật kiến trúc nào không di dời, chuyển đi được thì phải dỡ bỏ. (Có công trình nằm ở khu vực có địa chỉ số 916 đường B) và chuyển dọn toàn bộ vật liệu đi đổ nơi khác.

5.2. Ghi nhận sự tự nguyện của Tổng công ty Vận tải T - CTCP thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền chi phí làm đường 600m gói 02 (theo định giá) là 987.232.050 đồng.

5.3. Phần tường rào nếu Tổng công ty Vận tải T - CTCP thấy không cần thiết phải dỡ bỏ và được sự đồng ý của cơ quan quản lý xây dựng địa phương thì sẽ phải thanh toán giá trị xây dựng theo kết quả định giá tại thời điểm thi hành án cho Công ty TNHH S và Tổng công ty Vận tải T - CTCP được sở hữu phần vật liệu đó.

6. Sau khi đối trừ nghĩa vụ của các bên nêu tại mục 3, 4, 5 ở trên thì Công ty TNHH S phải thanh toán trả cho Tổng công ty Vận tải T - CTCP số tiền 38.722.889.354 đồng - 987.232.050 đồng = 37.735.657.304 đồng.

7. Các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, làm ăn, sinh sống dưới mọi hình thức trên diện tích đất 20.477m² đất (mà Công ty TNHH S phải trả cho Tổng công ty Vận tải T - CTCP) phải chuyển dọn di dời đi, nếu không di dời được thì phải dỡ bỏ tài sản của mình tại đó (nếu có) để đảm bảo việc thi hành án.

8. Bác các yêu cầu khác của Tổng công ty Vận tải T - CTCP.

9. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

10. Về án phí kinh doanh thương mại:

Nguyên đơn là Tổng công ty Vận tải T - CTCP phải chịu số tiền án phí là 209.909.198 đồng được trừ vào 65.410.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 2956 ngày 28/07/2017 và 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 3126 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H , thành phố Hà Nội; Còn phải chịu 142.499.198 đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH S phải chịu số tiền án phí là 145.735.657 đồng được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 3162 ngày 19/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H , thành phố Hà Nội; Còn phải chịu 143.735.657 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 03/8/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận H ;
- Chi cục THADS quận H ;
- đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hoàng Minh Thành**